TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **38/**2018/HS-ST
Ngày: 13-8-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG,TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lợi
Bà Đỗ Thị Thu

- Thư ký phiên tòa : Ông Phạm Ngọc Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 34/2018/HSST ngày 29 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Trần Xuân H, sinh ngày 20/6/1990; sinh và trú tại: Thôn L, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Xuân N1 (đã chết) và bà: Đoàn Thị T1; chưa có vợ, con; tiền án: Ngày 28/9/2016 TAND huyện Nông Cống phạt 15 tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản", ngày 21/7/2017 chấp hành xong hình phạt tù; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/4/2018 đến ngày 05/5/2018 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. Trần Đình T, sinh ngày 10/10/1989; sinh và trú tại: Thôn C1, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Đình L1 (đã chết) và bà: Đới Thị T2; có vợ là Lữ Thị C2 và 02 con, con lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017; tiền án: Ngày 19/01/2017 TAND huyện Nông Cống phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", ngày 17/8/2017 chấp hành xong hình phạt tù; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/4/2018 đến ngày

06/5/2018 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- ***Người bào chữa cho bị cáo T:*** Bà Nguyễn Thị Quế - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa (có mặt)

- ***Bị hại*:** Ông Lê Ngọc T3, sinh năm 1933 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T4, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Bà Đoàn Thị T1, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- **Người làm chứng:** Ông Trần Văn S, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T4, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ, ngày 23/4/2018 Trần Xuân H và Trần Đình T đi xe mô tô BKS 16K8-0046 nhãn hiệu YAMAHA màu vàng đến thôn Mỹ Tiến, xã C chơi. Khi đi qua nhà dân ở ven đường, H và T nhìn thấy ở trong vườn có nuôi các thùng ong mật nên nảy sinh ý định trộm cắp. H điều khiển xe đến gần tường rào, dừng xe đứng ngoài canh gác, T trèo qua tường vào nơi đặt các thùng ong trộm cắp 01 thùng gỗ bên trong có 08 cầu ong đang có mật rồi đưa ra ngoài nơi H đang đứng đợi. T ngồi sau ôm thùng ong, H điều khiển xe đi đến nhà anh Trần Văn S ở thôn T4, xã C bán được 600.000đ. Cả 2 đã tiêu xài hết số tiền trên. Nhận thấy hành vi trộm cắp của mình là vi phạm pháp luật và không thể trốn tránh được, ngày 26/4/2018 H đến Công an xã Công Chính đầu thú; ngày 30/4/2018 T đã đến Công an huyện Nông Cống đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bị hại trình bày: Ngày 23/4/2018 ông T3 ra vườn kiểm tra thì phát hiện bị mất 01 thùng ong mật, thùng ong này ông mua từ năm 2015 với giá 800.000đ, đến nay thùng ong đã tăng số lượng ong và các cầu trong thùng, giá trị hiện tại khoảng 2.400.000đ. Hiện ông đã nhận lại thùng ong và không có yêu cầu gì về phần dân sự.

Đối với Trần Văn S là người mua thùng ong vào chiều ngày 23/4/2018 giá 600.000đ, khi mua anh không biết đó là tài sản trộm cắp. Sau khi biết, anh đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống. Số tiền 600.000đ mua thùng ong, anh không yêu cầu các đối tượng hoàn trả.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 62/HĐ-ĐGTS ngày 27/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Nông Cống định giá 01 thùng ong mật trị giá 2.100.000đồng.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 16K8-0046 nhãn hiệu YAMAHA màu vàng là xe của bà Đoàn Thị T1 mua của chị Mai Thị T5. Khi H mượn xe đi, bà T1 không biết H dùng xe đi trộm cắp tài sản. Hiện nay chiếc xe mô tô đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 36/CT-VKS, ngày 27/6/2018 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống đã truy tố các bị cáo Trần Xuân H và Trần Đình T về tội "Trộm cắp tài sản" quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: - Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình hứa sửa chữa, xin giảm nhẹ hình phạt.

- Người bào chữa cho bị cáo T: Về tội danh và Điều luật áp dụng, thống nhất như quan điểm của Viện Kiểm sát. Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo T 09 tháng tù và miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

- Đại diện VKSND huyện Nông Cống giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 51; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 (đối với cả 2 bị cáo) đề nghị HĐXX phạt bị cáo H và bị cáo T mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù. Trả lại chiếc xe mô tô cho bà T1. Bị cáo H phải nộp 200.000đ án phí HSST. Miễn án phí HSST cho bị cáo T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nông Cống, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai giai đoạn điều tra, lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở chứng minh: Vào khoảng 12 giờ ngày 23/4/2018 tại nhà ông Lê Ngọc T3 thôn Hồng T4, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, Trần Xuân H và Trần Đình T đã có hành vi lén lút trộm cắp của gia đình ông Thìn 01 thùng gỗ nuôi ong, bên trong có 08 cầu ong đang có mật, bán được 600.000đ đã tiêu xài cá nhân. Tài sản trộm cắp đã được Hội đồng định giá tài sản huyện Nông Cống định giá 2.100.000đồng thuộc định lượng quy định tại khoản 1

Điều 173 BLHS. Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống truy tố các bị cáo về tội " Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự công cộng. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi " Trộm cắp tài sản" là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố tình thực hiên tội phạm nhằm thỏa mản nhu cầu cá nhân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm tương xứng với hành vi mà các bị cáo thực hiện tội phạm để trừng trị, giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người tốt và răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò: Các bị cáo thực hiện tội phạm thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, có vai trò ngang nhau.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Cả 2 bị cáo đều có chung tình tình tiết tăng nặng tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Cả 2 bị cáo đều có chung tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, đầu thú được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

- Về nhân thân: Cả 2 bị cáo đều là người nghiện ma túy.

Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo, HĐXX xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian với điều kiện môi trường giáo dục cải tạo nghiêm khắc theo quy chế trại giam mới đủ để cải tạo các bị cáo thành người công dân tốt, có ích cho bản thân, gia đình và xã hội đồng thời góp phần răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, thực hiện hành vi phạm tội nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[8] Về vật chứng: Trả lại cho bà Đoàn Thị T1 một xe mô tô BKS 16K8-0046 nhãn hiệu YAMAHA màu vàng, số khung VD104Y034399, số máy 5VD134399, người đứng tên trong đăng ký xe là bà Mai Thị T5;

[9] Về án phí: Bị cáo H phải chịu án HSST, miễn toàn bộ án phí HSST cho bị cáo T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần Xuân H và Trần Đình T, phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38; Điều 58 BLHS; khoản 3 Điều 106 BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Xử phạt: Bị cáo Trần Xuân H 10 (mười) tháng tù, Hạn tù tính từ ngày tạm giữ 26/4/2018.

Xử phạt: Bị cáoTrần Đình T 09 (chín) tháng tù, Hạn tù tính từ ngày tạm giữ 30/4/2018.

Về vật chứng: Trả lại cho bà Đoàn Thị T1 một xe mô tô BKS 16K8-0046 nhãn hiệu YAMAHA màu vàng, số khung VD104Y034399, số máy 5VD1-34399, người đứng tên trong đăng ký xe là bà Mai Thị T5 (đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 10 tháng 8 năm 2018 giữa Công an huyện Nông Cống và Chi cục THADS huyện Nông Cống);

Về án phí: Bị cáo Trần Xuân H phải nộp 200.000đ tiền án phí HSST. Miễn toàn bộ án phí HSST cho bị cáo Trần Đình T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Thanh Hóa;
VKSND tỉnh Thanh Hóa;
-VKSND huyện Nông Cống;
-Công an huyện Nông Cống;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
-Bị cáo, bị hại; Người bào chữa;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ LQ;
-Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Văn Tình